1	的	乘	法	表
1	X	1	=	
2	X	1	=	
3	X	1	=	
4	X	1	=	
5	X	1	=	
6	X	1	=	
7	X	1	=	
8	X	1	=	
9	X	1	=	
10	X	1	=	
11	X	1	=	
12	X	1	=	

2	的	乘	法	表
1	X	2	=	
2	X	2	=	
3	X	2	=	
4	X	2	=	
5	X	2	=	
6	X	2	=	
7	X	2	=	
8	X	2	=	
9	X	2	=	
10	X	2	=	
11	X	2	=	
12	X	2	=	

3	的	乘	法	表
1	X	3	=	
2	X	3	=	
3	X	3	=	
4	X	3	=	
5	X	3	=	
6	X	3	=	
7	X	3	=	
8	X	3	=	
9	X	3	=	
10	X	3	=	
11	X	3	=	
12	X	3	=	

4	的	乘	法	表
1	X	4	=	
2	X	4	=	
3	X	4	=	
4	X	4	=	
5	X	4	=	
6	X	4	=	
7	X	4	=	
8	X	4	=	
9	X	4	=	
10	X	4	=	
11	X	4	=	
12	X	4	=	

5	的	乘	法	表
1	X	5	=	
2	X	5	=	
3	X	5	=	
4	X	5	=	
5	X	5	=	
6	X	5	=	
7	X	5	=	
8	X	5	=	
9	X	5	=	
10	X	5	=	
11	X	5	=	
12	X	5	=	

6	的	乘	法	表
1	X	6	=	
2	X	6	=	
3	X	6	=	
4	X	6	=	
5	X	6	=	
6	X	6	=	
7	X	6	=	
8	X	6	=	
9	X	6	=	
10	X	6	=	
11	X	6	=	
12	X	6	=	

LIVEWORKSHEETS

7	的	乘	法	表
1	X	7	=	
2	X	7	=	
3	X	7	=	
4	X	7	=	
5	X	7	=	
6	X	7	=	
7	X	7	=	
8	X	7	=	
9	X	7	=	
10	X	7	=	
11	X	7	=	
12	X	7	=	

8	的	乘	法	表
1	X	8	=	
2	X	8	=	
3	X	8	=	
4	X	8	=	
5	X	8	=	
6	X	8	=	
7	X	8	=	
8	X	8	=	
9	X	8	=	
10	X	8	=	
11	X	8	=	
12	X	8	=	

9	的	乘	法	表
1	X	9	=	
2	X	9	=	
3	X	9	=	
4	X	9	=	
5	X	9	=	
6	X	9	=	
7	X	9	=	
8	X	9	=	
9	X	9	=	
10	X	9	=	
11	X	9	=	
12	X	9	=	

10	的	乘	法	表
1	X	10	=	
2	X	10	=	
3	X	10	=	
4	X	10	=	
5	X	10	=	
6	X	10	=	
7	X	10	=	
8	X	10	=	
9	X	10	=	
10	X	10	=	
11	X	10	=	
12	X	10	=	

11	的	乘	法	表
1	X	11	=	
2	X	11	=	
3	X	11	=	
4	X	11	=	
5	X	11	=	
6	X	11	=	
7	X	11	=	
8	X	11	=	
9	X	11	=	
10	X	11	=	
11	X	11	=	
12	X	11	=	

12	的	乘	法	表
1	X	12	=	
2	X	12	=	
3	X	12	=	
4	X	12	=	
5	X	12	=	
6	X	12	=	
7	X	12	=	
8	X	12	=	
9	X	12	=	
10	X	12	=	
11	X	12	=	
12	X	12	=	

LIVEWORKSHEETS

乘法表

x	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												

LIVEWORKSHEETS